TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **------ *** ------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **--------***------**
Số: **499**/2023/QĐST- HNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 28 tháng 07 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/07/2023, giữa:

Nguyên đơn: ***Chị Đinh Thị Tố N – sinh năm: 1977***

Căn cước CD số: 025177009172 Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 08/12/2021; Nơi Thường trú và cư trú hiện tại: Số 4/20 Ngõ 156 H, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: ***Anh Lê Đức L – sinh năm: 1971***

Chứng minh nhân dân số: 04507100002 Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 01/02/2013; Nơi Thường trú và cư trú hiện tại: Số 120, nhà A tập thể Công ty Cổ phần Dược Phẩm TW2 Lê Gia Định, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 1.1 – 1. II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/07/2023 về việc các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đinh Thị Tố N và anh Lê Đức L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** *Về tình cảm:* Chị Đinh Thị Tố N và anh Lê Đức L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, cùng thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Đinh Thị Tố N và anh Lê Đức L xác nhận có hai con chung tên là:

1/ Lê Tú Anh, sinh ngày 15/11/2002;

2/ Lê Đức Nhật Anh, sinh ngày 22/05/2006.

Cháu Lê Tú Anh đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét.

Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Lê Đức Nhật Anh, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**Về tài sản chung (động sản):* các đương sự tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét.

* *Nhà ở chung (bất động sản)*: các đương sự tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét.

* Về nợ chung: các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét.

* *Về án phí*: Chị Đinh Thị Tố N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2020/0013660 ngày 27/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Chị N được hoàn lại 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự Q. Hai Bà Trưng;
- UBND xã Vũ Yển, H. Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ (Đăng ký kết hôn số 11, ngày 27/03/2002);
- L hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hương